

Bản án số: 127/2021/DS-ST
Ngày 29 - 12- 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1961; cư trú tại: Khóm B, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Minh Tu, sinh năm 1968; cư trú tại: Khóm B, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Bà Lâm Thị Mỹ Tr, sinh năm 1968; cư trú tại: Khóm B, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Kim Th; cư trú tại: Khóm C, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Minh T trình bày:

Từ ngày 15/4/2018 đến ngày 24/12/2019, ông Tu đã vay của ông nhiều lần

với tổng số tiền 420.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, đóng lãi được vài tháng thì ngưng đóng, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ số tiền đóng lãi là bao nhiêu. Ngoài ra ngày 19/5/2018 al, ông Tu nhờ ông bảo lãnh tham gia dùm 01 chung hui trong đây hui 3.000.000đ do bà Nguyễn Kim Th làm chủ. Sau khi tham gia, ông Tu nói ông hốt chung hui trên được số tiền 85.000.000đ và đã giao tiền cho ông Tu. Sau khi hốt hui, ông Tu không đóng hui chết nên ông đã thay ông Tu đóng hui chết số tiền 99.000.000đ. Đến ngày 24/12/2019, ông Tu ghi biên nhận nợ tổng số tiền 519.000.000đ. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông Tu trả số tiền nợ trên và đến ngày 29/3/2020 ông Tu viết xác nhận nợ và hứa đến ngày 01/4/2020 trả trước 100.000.000đ nhưng đến nay ông Tu vẫn không trả.

Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu ông Tu, bà Tr trả số tiền nợ 519.000.000đ và số tiền lãi 112.000.000đ (tạm tính từ ngày 29/3/2020 đến ngày 29/4/2021 theo mức lãi suất 20%/năm) và lãi phát sinh cho đến khi xét xử vụ án. Tổng số tiền yêu cầu đến ngày 29/4/2021 là 631.000.000đ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T yêu cầu ông Tu trả tổng số tiền nợ vốn 519.000.000đ và tiền lãi trên số tiền 420.000.000đ với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/3/2020 đến ngày xét xử vụ án, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 99.000.000đ.

Ông Phạm Minh Tu, bà Lâm Thị Mỹ Tr và bà Nguyễn Kim Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các ông bà vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Phạm Minh Tu, bà Lâm Thị Mỹ Tr và bà Nguyễn Kim Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ông Tu, bà Tr trả số tiền nợ 519.000.000đ và số tiền lãi 112.000.000đ (tạm tính từ ngày 29/3/2020 đến ngày 29/4/2021 theo mức lãi suất 20%/năm) và lãi phát sinh cho đến khi xét xử vụ án. Tổng số tiền yêu cầu đến ngày 29/4/2021 là 631.000.000đ. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T yêu cầu ông Tu trả tổng số tiền nợ vốn 519.000.000đ và tiền lãi trên số tiền 420.000.000đ với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/3/2020 đến ngày xét xử vụ án, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 99.000.000đ. Xét thấy, việc ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Đối với số tiền vay 420.000.000đ: Theo Biên nhận đứng tên Phạm Minh Tu ngày 24/12/2019 và xác nhận nợ đứng tên Phạm Minh Tu ngày 29/3/2020 đều thể

hiện ông Tu có vay của ông T số tiền 420.000.000đ, lãi suất 03%/tháng. Theo ông T xác định từ khi vay đến nay, ông Tu chưa trả cho ông số tiền nợ trên nên ông Tu phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 420.000.000đ. Về yêu cầu tính theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 29/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/12/2021) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Theo đó, ông Tu phải chịu số tiền lãi 126.000.000đ ($420.000.000đ \times 20\%/năm \times 01 \text{ năm } 6 \text{ tháng} = 126.000.000đ$).

Đối với số tiền nợ hui 99.000.000đ: Theo biên nhận đứng tên Phạm Minh Tu ngày 23/9/2019 và Biên nhận đứng tên Phạm Minh Tu ngày 24/12/2019 có đủ cơ sở xác định ông Tu còn nợ ông T số tiền hui ông T tham gia cho ông Tu 99.000.000đ.

Đối với ông Tu đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý nhưng ông không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Tu còn nợ ông T tổng số tiền vốn 519.000.000đ và số tiền lãi 126.000.000đ. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông Tu trả cho ông T tổng số tiền nợ 645.000.000đ.

[3] Về án phí dân sự: Ông T không phải chịu. Ông Tu phải chịu 29.800.000đ ($20.000.000đ + 245.000.000đ \times 4\% = 29.800.000đ$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T.

Buộc ông Phạm Minh Tu trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền nợ là 645.000.000đ (sáu trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Minh Tu chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông Tu còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Minh T không phải chịu. Ông Phạm Minh Tu phải chịu 29.800.000đ (hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng